

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 30 tháng 07 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Mươi

Ông Nguyễn Đức Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 06 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn L, sinh ngày 19 tháng 05 năm 1999 tại Y, Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị C1, không có bố, vợ con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13 tháng 04 năm 2019 đến ngày 19 tháng 04 năm 2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình “Có mặt”.

2. Họ và tên: Đỗ Quang H, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2000 tại Y, Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm T, thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Đ, con bà Trần Thị D, vợ con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13 tháng 04 năm 2019 đến ngày 19 tháng 04 năm 2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình “Có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Phạm Duy Hưng là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Bình “Có mặt”.

- *Người bị hại:* Chị Vũ Thị Kim T, sinh năm 1986 và anh Đặng Văn Giáp, sinh năm 1985, cùng trú tại: Phố Trung Yên, thị trấn Yên Thịnh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình “Vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

Chị Đặng Thị B, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình “Vắng mặt”.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, trú tại: thôn Q, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 9/04/2019, Phạm Văn L và Đỗ Quang H sau khi chơi game ở quán Internet của anh Vũ Văn C2 ở thôn Nộn Khê, xã Yên Từ, huyện Y; L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen không xác định được biển kiểm soát là xe mượn của L1 (bạn chơi game của L) chở Huy về nhà tại thôn B, xã Y. Khi đi đến đoạn đường gần trường tiểu học xã Y thuộc thôn Q, xã Y, huyện Y; L phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35M2-2603 của chị Vũ Thị Kim T, sinh năm 1986, trú tại: Phố T, thị trấn Y, huyện Y đang dựng trước cửa nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, không có người trông coi, xe đã khóa điện, không khóa cò, khóa càng. L nảy sinh ý định trộm cắp nên nói với H “Lấy trộm chiếc xe này”, H gật đầu đồng ý. L dừng xe, một mình đi bộ lại gần chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2-2603, ngồi lên yên xe. Do xe đã khóa điện, không nổ được máy, L bảo H “Bạn ửi tôi đi”, H liền điều khiển xe mô tô Wave màu đen tiến đến dùng chân trái đẩy vào gác để chân phải phía sau xe mô tô 35M2-2603 mà L đang ngồi trên xe điều khiển, đẩy xe đi về hướng cầu Phương Nại, sau đó rẽ vào đường bờ đê hướng về thôn X, đi được khoảng 300m thì dừng lại. L giật cốp xe mô tô vừa trộm cắp được phát hiện bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35M2-2603 mang tên Đặng Văn G là chồng chị T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe, 01 giấy phép lái xe và một số giấy tờ khác. Sau đó, L mở cốp xe mô tô Wave màu đen thấy trong cốp xe có 01 tô vít, 01 cờ lê và 01 đoạn dây điện. L lấy tô vít tháo biển số xe 35M2-2603, lấy cờ lê tháo 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô, sau đó dùng bật lửa L mang theo đốt lớp vỏ cao su ở hai đầu đoạn dây điện làm lộ lõi đồng rồi dùng đoạn dây điện này đấu vào rắc điện của ổ khóa xe mô tô 35M2-2603 để mở khóa điện của xe vừa trộm cắp. Sau đó, L bỏ 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm, biển số xe vào trong cốp xe 35M2-2603; bỏ 01 tô vít, 01 cờ lê, 01 bật lửa vào cốp xe Wave màu đen. L điều khiển xe 35M2-2603, H điều khiển xe Wave màu đen đi đến quán Internet ở xã Y để trả xe cho L1. Trên đường đi, L rút gương chiếu hậu bên trái xe và một số giấy tờ khác đã tìm được trong cốp xe 35M2-2603 xuống sông Trinh Giang thuộc xã Y, Huyện Y. Sau đó, L chở H điều khiển xe mô tô 35M2-2603 đi tìm nơi tiêu thụ nhưng không tiêu thụ được nên giữ lại làm phương tiện đi lại, chờ thời cơ tiêu thụ để lấy tiền tiêu sài.

Ngày 12/04/2019, chị Vũ Thị Kim T có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình.

Ngày 13/04/2019, Phạm Văn L và Đỗ Quang H đã mang chiếc xe mô tô 35M2-2603 và các giấy tờ liên quan đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình giao nộp và tự thú về hành vi phạm tội.

Tại Bản Kết luận giám định tài sản số 21 ngày 18/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35M2-2603 tại thời điểm ngày 9/04/2019 trị giá 6.450.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại cho vợ chồng anh Đặng Văn G và chị Vũ Thị Kim T xe mô tô biển kiểm soát 35M2-2603, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Văn G, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-YM ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Y đã truy tố Phạm Văn L và Đỗ Quang H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn L và Đỗ Quang H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo L: Nhất trí với tội danh truy tố đối với bị cáo L theo cáo trạng số 24/CT-VKS-YM ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau: Bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn. Tại phiên tòa, người bào chữa cũng đã nộp bổ sung các tài liệu bao gồm: Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của anh Đặng Văn G, đơn xin miễn nộp án phí của bị cáo Phạm Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố để xét xử các bị cáo Phạm Văn L và Đỗ Quang H về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của anh Đặng Văn G là người bị hại trong vụ án để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 6 (Sáu) đến 7 (Bảy) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H từ 4 (Bốn) đến 5 (Năm) tháng tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Rất hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Cơ quan điều tra Công an Huyện Yên Mô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn L và Đỗ Quang H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 9/04/2019 tại đường thôn Q, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Vũ Thị Kim T, Phạm Văn L và Đỗ Quang H đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX 35M2-2603. Theo bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 18/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình kết luận: giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35M2-2603 tại thời điểm ngày 9/04/2019 trị giá 6.450.000 đồng. Các bị cáo L, H là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của Phạm Văn L và Đỗ Quang H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo Phạm Văn L và Đỗ Quang H về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Xét về vai trò của các bị cáo: Vụ án có hai bị cáo cùng tham gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Phạm Văn L là người khởi xướng rủ Đỗ Quang H thực hiện hành vi trộm cắp nên được xác định có vai trò đầu trong vụ án. Đỗ Quang H tiếp nhận ý chí của Phạm Văn L và cùng với L thực hiện hành vi trộm cắp nên được xác định có vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Văn L và Đỗ Quang H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự thú và giao nộp lại tài sản trộm cắp để trả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo L có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo trong vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, do đó cần xử phạt mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho xã hội. Bị cáo L là người khởi xướng, tham gia tích cực trong việc thực hiện các hành vi phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt để răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội do bị L rủ rê, tham gia với vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; cần áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Vũ Thị Kim T đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Y trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35M2-2603 và giấy tờ xe. Quá trình điều tra anh G, chị T không yêu cầu các bị cáo

bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35M2-2603; 01 biển kiểm soát số 35M2-2603; 01 đăng ký xe; 01 giấy chứng nhận bắt buộc của chủ xe mô tô, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã trả lại cho chị Vũ Kim T là đúng pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen Phạm Văn L và Đỗ Quang H dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, 01 tô vít, 01 cờ lê, 01 bật lửa, 01 đoạn dây điện là công cụ sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra, L khai chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen là xe mượn của người bạn tên L1 không rõ địa chỉ; sau khi thực hiện hành vi phạm tội L đã bỏ 01 tô vít, 01 cờ lê, 01 bật lửa vào trong cốp xe mô tô Wave màu đen L đã trả cho L1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành xác minh nhưng không có căn cứ để xác định những nội dung trên. Còn 01 đoạn dây điện L khai vẫn để ở trên xe mô tô, sau khi chị T nhận lại xe, mang đi sửa nên không còn đoạn dây này. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với các vật chứng nêu trên.

Đối với 01 gương chiếu hậu, 01 giấy phép lái xe mang tên chị T và một số giấy tờ khác chị T khai có 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 sổ hộ khẩu gia đình của chị T, L khai đã vứt xuống sông Trinh Giang ở xã Y, huyện Y; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được, do đó không có căn cứ để xử lý. Quá trình điều tra, chị T cũng không có yêu cầu, đề nghị giải quyết đối với tài sản và những giấy tờ bị mất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với đối tượng tên L1 đã cho L mượn xe: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác minh được, do đó không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Do bị tuyên có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; tuy nhiên bị cáo L thuộc hộ nghèo và đã có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L và bị cáo Đỗ Quang H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13/04/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H 4 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13/04/2019.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn L.

- Buộc bị cáo Đỗ Quang H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/07/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND huyện Y (1);
- Công an huyện Y (1);
- Cơ quan THA hình sự huyện Y (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình (1);
- Chi cục THA dân sự huyện Y (1);
- Các bị cáo (2);
- Người bị hại (1);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

PHẠM DIỆU OANH

